TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ - ST.

Ngày: 13 - 8 - 2019.

V/v "tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trà Minh Châu.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy Nh, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 159, ấp Trà Q, thị trấn Ch, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1983; Địa chỉ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 28/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị Thùy Nh trình bày:

Vào năm 2010 bà và ông Tr có kết hôn với nhau theo phong tục, tập quán trên cơ sở hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đại Ng vào ngày 29/3/2010. Chung sống thời gian thì ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng bà thường xuyên gây gỗ

nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và ông bà sống ly thân từ tháng 03/2015 cho đến nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

Trong thời gian chung sống bà và ông Tr không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong thời gian chung sống bà và ông Tr không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thùy Nh.

+ Về con chung: Bà Trần Thị Thùy Nh xác định trong thời gian chung sống bà Trần Thị Thùy Nh và ông Nguyễn Văn Tr không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thùy Nh xác định trong thời gian chung sống bà Trần Thị Thùy Nh và ông Nguyễn Văn Tr không có tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn Tr mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 72/TB-TLVA ngày 28/3/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập số 72 ngày 15/4/2019; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập số 74 ngày 26/4/2019; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS, giấy triệu tập số 19 ngày 01/7/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2019/QĐST – HNGĐ ngày 26/7/2019, giấy triệu tập số 29 ngày 26/7/2019 nhưng vẫn không có văn bản trả lời và vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Tr.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy Nh và ông Nguyễn Văn Tr có đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2010 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Đại Ngãi. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 9 đến Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thùy Nh và ông Nguyễn Văn Tr là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Thùy Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr. Xét yêu cầu của bà Trần Thị Thùy Nh Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống, ông Tr không lo chăm sóc cho gia đình. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gởi thông báo về việc thụ lý cho ông Tr nhưng ông không có văn bản phúc đáp và giữa bà Nh, ông Tr từ khi sống ly thân vào tháng 03 năm 2015 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh ngày 01/7/2019 về tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông Tr của Tòa án nhân dân huyện L. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nh được ly hôn với ông Tr.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Thị Thùy Nh cho rằng trong thời gian chung sống bà Trần Thị Thùy Nh và ông Nguyễn Văn Tr không có con chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Nh cho rằng trong thời gian chung sống bà Nh và ông Tr không có tài sản chung, nợ chung nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết, Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Bà Trần Thị Thùy Nh phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Thùy Nh và ông Nguyễn Văn Tr được ly hôn.

2. Về con chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy Nh phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007043 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, bà Trần Thị Thùy Nh đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyệnL;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA